

Bản án số: 119/2019/HSST

Ngày: 22/7/2019.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Đình Lăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhâm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2019/TLST-HS, ngày 12/4/2019 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Tấn Anh D**, sinh năm 1989, tại tỉnh B; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã S, huyện G, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số 74, H, Tổ 43, Khu phố 4, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Tấn H và bà Trang Thanh H; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, có 01 con sinh năm 2018; Có 01 tiền án: Bản án số 38/2012/HSST ngày 13/03/2012, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, buộc phải trả cho ông Lương Văn H số tiền 16.000.000 đồng, đến nay chưa thi hành án phí và bồi thường dân sự; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/12/2011, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/07/2018. (Có mặt)

**2. Sơn Anh C**, sinh năm 1996, tại tỉnh V; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3\*\*, Tổ 18, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh V; Chỗ ở hiện nay: Số 73B1\*, Tổ 4, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Nghề

nghịệp: Thợ sắt; Con ông Hồ Bích M và bà Sơn Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2018. (Có mặt)

Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1995;

Nơi cư trú, sinh sống: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh B. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 2000;

Nơi cư trú, sinh sống: Số \*\*, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Bà Bùi Thị Thúy U, sinh ngày 07/07/2002;

Nơi cư trú, sinh sống: Số 74, Tổ 43, Khu phố 4, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của bà Bùi Thị Thúy U: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1980 và bà Thái Thị Ánh H, sinh năm 1983;

Cùng cư trú, sinh sống: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú, sinh sống: Số \*\* Đường N, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Bà Trương Thị H, sinh năm 1980;

Nơi cư trú, sinh sống: Số \*\*, Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Quyết T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú, sinh sống: Ấp 1, xã H huyện T, tỉnh B. (Vắng mặt)

6. Ông Trần Đình N;

Nơi cư trú, sinh sống: Số \*\*, Khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú, sinh sống: Số \*\* Đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

8. Bà Vũ Thị Thanh T;

Nơi cư trú, sinh sống: Ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (Vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980;

Nơi cư trú, sinh sống: Ấp D, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Anh D và Bùi Thị Thúy U sống chung với nhau như vợ chồng. Ngoài ra, U có quen biết và nhắn tin với anh Nguyễn Văn N. Biết được thông tin trên, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh N nên nói với U rủ anh N xuống Quận 12 chơi (U không biết ý định của D). Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh N điều khiển xe mô tô từ B đến quán Karaoke “Ngọc Lan” gặp U và D. Tại đây, D mượn xe mô tô của anh N nhưng anh N không đồng ý nên D giả vờ nhờ anh N chở đi lấy tiền nhằm lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt xe mô tô của anh N nhưng không được. D yêu cầu anh N chở D quay lại quán Karaoke đón U. Sau đó, D gọi điện thoại cho Sơn Anh C rủ C đi cướp xe mô tô của anh Nhiều thì C đồng ý, rồi C nhờ anh Trần Văn H chở C đi đánh ghen.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến bên hông Trường tiểu học Võ Thị Sáu, thuộc đường N5, Tổ 39, Khu phố 3, phường Hiệp Thành, Quận 12 thì C yêu cầu anh H chạy vượt lên phía trước, ép sát vào bên trái xe mô của anh N do D đang điều khiển chở U và anh N. Lúc này, C dùng tay đánh vào mặt anh N 01 cái làm anh N té ngã, C tiếp tục dùng tay đánh vào anh N 02 cái nữa làm anh N hoảng sợ nên bỏ chạy, rồi H điều khiển xe mô tô chở U về, còn D điều khiển xe mô tô của anh N chở C tẩu thoát. Sau đó C mang xe mô tô cướp được bán cho anh Nguyễn Chí T với giá 8.000.000 đồng và đưa lại cho D thì được D cho 200.000 đồng và trả cho C 200.000 đồng tiền nợ trước đó. Số tiền trên C đã tiêu xài hết, riêng D đã tiêu xài 7.000.000 đồng, còn lại 600.000 đồng bị tạm giữ.

Đối với hành vi “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” của Nguyễn Tấn Anh D đối với Bùi Thị Thúy U, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 12 đã ra quyết định khởi tố vụ án riêng và đang điều tra.

Anh Trần Văn H không biết mục đích của C và D đánh anh N để cướp tài sản, cũng như không hưởng lợi ích vật chất, nên Cơ quan Điều tra Công an Quận 12 không đề nghị xử lý.

Theo bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 338/KLĐG ngày 01/10/2018 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự Quận 12 kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter, biển số 67F1-257.\*\* có giá là 33.400.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 9996/KLĐG-X (Đ3) ngày 10/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận xe mô tô biển số 71B3-236.79 có số khung, số máy không đổi.

Cáo trạng số 37/CTr – VKS, ngày 25/01/2019, của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn Anh D và Sơn Anh C về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Tấn Anh D khai nhận: Do không có tiền tiêu xài nên khi biết Bùi Thị Thúy U là người sống chung như vợ chồng với bị cáo có nhắn tin với anh Nguyễn Văn N, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh N nên giả vờ nói với U rủ anh N xuống Quận 12 chơi. Sau khi anh N nhận lời U và điều khiển xe xuống Quận 12 thì bị cáo đã mời U và anh N đi đến quán karaoke Ngọc Lan. Khi đang hát thì bị cáo nhờ anh N chở đi

công việc, thực chất là để tìm cơ hội chiếm đoạt xe mô tô của anh N nhưng không được nên bị cáo nói anh N chở về quán karaoke để đón U. Sau đó bị cáo điều khiển xe chở U và anh N đi công việc tiếp, trên đường đi, bị cáo đã gọi điện cho bị cáo Sơn Anh C để rủ bị cáo C đi chiếm đoạt xe mô tô của anh N, thì C đồng ý. Khi đến một con hẻm tại phường H, Quận 12, bị cáo thấy Trần Văn H chở C tới, bị cáo dựng xe ở đầu đường đi vào bên trong hẻm do C hiểu ý bị cáo nên C đi vào gặp bị cáo, bị cáo nói C bám theo xe bị cáo đến chỗ vắng thì đánh anh N để chiếm đoạt xe của anh N. Sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô chở anh N và U đến bên hông Trường Võ Thị Sáu, thuộc đường N5, Tổ 39, Khu phố 3, phường Hiệp Thành, Quận 12 lúc này H điều khiển xe mô tô chở bị cáo C từ phía sau vượt lên ép vào bên trái xe mô tô của bị cáo, bị cáo liền dừng xe lại rồi bị cáo C đánh vào mặt anh N 01 cái làm anh N té ngã, C tiếp tục xuống xe dùng tay đánh vào mặt anh N 02 cái làm anh N hoảng sợ bỏ chạy rồi H chở U về còn bị cáo điều khiển xe mô tô của anh N chở C tẩu thoát. Bị cáo đưa xe mô tô vừa cướp được cho bị cáo C đi bán với giá 8.000.000 đồng, bị cáo chia cho bị cáo C 400.000 đồng, còn lại bị cáo giữ để tiêu xài, còn lại 600.000 đồng bị tạm giữ. Riêng Bùi Thị Thuý U, bị cáo không bàn bạc gì với U nên U không biết ý định của bị cáo trong việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh N và U cũng không tham gia thực hiện.

Bị cáo Sơn Anh C thừa nhận lời khai của bị cáo Nguyễn Tấn Anh D là đúng sự thật. Bị cáo thừa nhận ngày hôm xảy ra vụ án, khi bị cáo đang ở phòng trọ thì bị cáo D gọi điện thoại nói qua con hẻm gần đó có chuyện gấp, nên bị cáo nhờ Trần Văn H chở đi gặp D. Đến nơi bị cáo thấy bị cáo D đi bộ một mình vào trong hẻm, U và anh N đứng ở đầu hẻm chờ. Bị cáo D gọi bị cáo đến nói chuyện, còn H ngồi trên xe cách đó khoảng 10 mét. D bàn với bị cáo để D chở anh N và U đi đến chỗ vắng người rồi bị cáo đánh N để N bỏ chạy để chiếm đoạt xe của N. Sau đó, bị cáo nói H chở bị cáo chạy theo xe của bị cáo D, nhưng bị cáo không nói cho H biết việc cướp xe mô tô của anh N. Khi đến bên hông trường Võ Thị Sáu, bị cáo nói H ép vào bên trái xe mô tô do bị cáo D điều khiển, khi bị cáo D dừng xe, bị cáo đã dùng tay đánh vào mặt anh N nhiều cái, do hoảng sợ, anh N bỏ chạy, bị cáo và bị cáo D đã chiếm đoạt chiếc xe của anh N, còn H chở U đi đâu bị cáo không rõ. Bị cáo mang xe mô tô trên đi bán cho một người không rõ nhân thân lại lịch được 8.000.000 đồng và đưa tiền lại cho bị cáo D thì được bị cáo D cho 200.000 đồng và trả 200.000 đồng đã mượn bị cáo trước đây.

Người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, người bị hại anh Nguyễn Văn N không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo, về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H và chị Bùi Thị Thuý U khai không biết mục đích của bị cáo C và bị cáo D đánh anh N là để cướp xe và cũng không được hưởng lợi ích vật chất gì. Anh Nguyễn Chí T khai không biết xe mô tô trên là do bị cáo C phạm tội mà có nên đã mua để sử dụng, anh đã giao nộp lại xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi phân tích tính chất, hành

vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Nguyễn Tấn Anh D và Sơn Anh C phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Anh D mức án tù 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. bị cáo Sơn Anh C mức án tù 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô số máy 1S9A0820\*\*, số khung: S9A0GY0820\*\*; 01 biển số xe mô tô 67F1-257.\*\*; 01 xe mô tô biển số 59G1-127.\*\*; 01 điện thoại Samsung J7, màu hồng, cơ quan điều tra Công an Quận 12 đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị không xem xét.

Đối với 01 biển số xe mô tô 71B3-236.\*\*; 01 biển số xe mô tô 67G1-324.89; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 23cm không còn giá trị sử dụng đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung bị bể màn hình, số Imei 1: 357623086045331, số Imei 2: 357624086045339 thu giữ của bị cáo Sơn Anh C; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110, số Seri: 358662012536152 và số tiền 600.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn Anh D, là những phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và là tiền do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân số 0233982\*\* và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số N2917\*\* mang tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 59D1-198.\*\* mang tên Trần Đình N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 59D1-856.\*\* mang tên Nguyễn Quang T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 93T9-79\*\* mang tên Vũ Thị Thanh T, đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, màu xám thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn Anh D, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do không ai có yêu cầu gì về phần dân sự, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Tuy nhiên cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính trong vụ án.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận chỉ nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan đến vụ án không khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến điều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, dùng nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định và thông báo ngày giờ xét xử nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tấn Anh D và Sơn Anh C đã thừa nhận hành vi do các bị cáo thực hiện trong vụ án như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu;

Nhận thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra thể hiện qua các bản tự khai, bản tường trình, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với nhau. Đã có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn Tấn Anh D và Sơn Anh C sau khi bàn bạc với nhau đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn N bằng cách: Bị cáo D sau khi nhờ bạn gái là chị Bùi Thị Thúy U hẹn anh N xuống Quận 12 chơi, nhưng thực chất bị cáo đã chở anh N và U đi lòng vòng khu vực Quận 12 để tìm cơ hội chiếm đoạt xe mô tô của anh N. Bị cáo đã rủ bị cáo Sơn Anh C cùng tham gia thực hiện hành vi với mình, khi bị cáo chở anh N đến địa chỉ bên hông trường tiểu học Võ Thị Sáu, phường Hiệp Thành, Quận 12 thì bị cáo C điều khiển xe ép sát và dùng tay đánh thẳng vào mặt anh N làm anh N hoảng sợ bỏ chạy, các bị cáo C và D đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 67F1-257.\*\* của anh N. Hành vi này của các bị cáo là hành vi “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Các bị cáo tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản và đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ.

[6] Từ những phân tích trên và căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 338/KLĐG ngày 01/10/2018, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận 12 kết luận chiếc xe mô tô các bị cáo chiếm đoạt có giá là 33.400.000 đồng, thì đã có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của các bị cáo thực hiện trong vụ án phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra trong vụ án không chỉ xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người bị hại; làm ảnh

hưởng nghiêm trọng trật tự, trị an xã hội gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân vì loại tội phạm này hiện nay đang có chiều hướng gia tăng và đã gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng trong xã hội do đó cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội thì mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội;

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn Anh D đã có một tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 38/2012/HSST, ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xử phạt 18 tháng tù và buộc phải trả cho người bị hại số tiền 16.000.000 đồng, bị cáo chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự và chưa đóng án phí, nên chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác trong vụ án này bị cáo là người chủ mưu, rủ bị cáo Sơn Anh C cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội và cũng là người trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo và phải cao hơn so với bị cáo C;

Đối với bị cáo Sơn Anh C bị cáo cũng là người thực hiện tội phạm quyết liệt nên cũng cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo được hưởng đến tình tiết giảm nhẹ là tài sản do các bị cáo phạm tội đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình; riêng bị cáo Sơn Anh C còn được áp dụng tình tiết bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần mức hình phạt tù mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

#### [8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô số máy 1S9A0820\*\*, số khung: S9A0GY0820\*\*;  
01 biển số xe mô tô 67F1-257.\*\*; 01 (một) xe mô tô biển số 59G1-127.\*\*; 01 (một) điện thoại Samsung J7, màu hồng, cơ quan điều tra Công an Quận 12 đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với 01 (một) biển số xe mô tô 71B3-236.\*\*; 01 biển số xe mô tô 67G1-324.\*\*; 01(một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm; 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 23cm không còn giá trị sử dụng cần căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung bị bể màn hình, số Imei 1: 357623086045331, số Imei 2: 357624086045339 thu giữ của bị cáo Sơn Anh C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1110, số Seri: 358662012536152 và số tiền 600.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn Anh D, là những phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và là tiền do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, cần căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 0233982\*\* và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số N291788 mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) Giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 59D1-198.\*\* mang tên Trần Đình N; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 59D1-856.\*\* mang tên Nguyễn Quang T; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 93T9-79\*\* mang tên Vũ Thị Thanh T, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, màu xám thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn Anh D, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Tuy nhiên cần buộc bị cáo Nguyễn Tấn Anh D phải nộp lại số tiền 7.600.000 đồng trong đó có 600.000 đồng đã bị công an thu giữ còn lại bị cáo phải nộp 7.000.000 đồng, bị cáo Sơn Anh C phải nộp lại 400.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung quỹ nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Tấn Anh D** và **Sơn Anh C** phạm tội: “**Cướp tài sản**”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Anh D**: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Sơn Anh C**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2018.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) biển số xe mô tô 71B3-236.\*\*; 01 biển số xe mô tô 67G1-324.\*\*; 01(một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm; 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 23cm;

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung bị bể màn hình, số Imei 1: 357623086045331, số Imei 2: 357624086045339; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1110, số Seri: 358662012536152.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn Anh D 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, màu xám;

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số

0233982\*\* và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số N291788 mang tên Nguyễn Văn T;

- Trả lại cho ông Trần Đình N 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 59D1-198.\*\* mang tên Trần Đình N;

- Trả lại cho ông Nguyễn Quang T 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 59D1-856.63 mang tên Nguyễn Quang T;

- Trả lại cho bà Vũ Thị Thanh T 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 93T9-79\*\* mang tên Vũ Thị Thanh T.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 32/QĐ-VKS, ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh)

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Anh D phải nộp lại 7.000.000 (bảy triệu) đồng, bị cáo Sơn Anh C phải nộp lại 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước, nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- |                                |      |
|--------------------------------|------|
| - TAND Tp. Hồ Chí Minh;        | (01) |
| - VKSND Quận 12;               | (02) |
| - THADS Quận 12;               | (01) |
| - THAHS Quận 12;               | (04) |
| - Phòng PC27 CA Tp. HCM;       | (01) |
| - Công an Quận 12;             | (04) |
| - Bị cáo;                      | (02) |
| - Người tham gia tố tụng khác; | (10) |
| - Lưu hồ sơ vụ án. T 27/.      | (02) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Đình Lăng**